HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 224/2015/NQ-HĐND	*Long An, ngày 09 tháng 12 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT
Về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Long An

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN
KHÓA VIII – KỲ HỌP THỨ 15

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 -2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 4431/TTr-UBND ngày 12/11/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Long An, báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND và ý kiến của đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn tỉnh Long An (có qui định kèm theo).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực, các Ban và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa VIII, kỳ họp thứ 15 thông qua ngày 09/12/2015.

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành sau 10 (mười) ngày kể từ ngày Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua.

CHỦ TỊCH

Đặng Văn Xướng

Nơi nhận:
- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP.QH, VP.CP "TP.HCM" (b/c);
- Ban Công tác đại biểu , UBTVQH (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT.TU (b/c);
- UBND tỉnh, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa VIII;
- Các sở ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND huyện, thị xã, thành phố;
- VP.UBND tỉnh;
- LĐ và CV VP. Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Lưu: VT.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUI ĐỊNH

Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước cho các huyện, thị xã, thành phố giai đoạn 2016 – 2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 224/2015/NQ-HĐND ngày 09/12/2015 của HĐND tỉnh)

I. Các ngành, lĩnh vực sử dụng vốn đầu tư phát triển giai đoạn 2016 - 2020

Vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện dự án của các ngành, lĩnh vực dưới đây:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án thủy lợi, đê điều và phòng chống thiên tai, lụt bão, hạn hán; các dự án đầu tư cơ sở hạ tầng sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản; cơ sở vật chất phục vụ quản lý nhà nước về cây trồng, vật nuôi và dịch hại, bảo vệ và phát triển rừng; hạ tầng nuôi trồng thủy sản thuộc huyện, thị xã, thành phố quản lý.

2. Công nghiệp: đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu, hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, mạng lưới điện nông thôn.

3. Giao thông vận tải: xây dựng và nâng cấp các công trình, dự án giao thông đường bộ, đường thủy nội địa.

4. Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình, dự án cấp, thoát nước, xử lý chất thải.

5. Kho tàng: xây dựng, cải tạo và nâng cấp các công trình kho tàng, bến bãi, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

6. Văn hóa: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án văn hóa như ấp văn hóa, khu phố văn hóa, thư viện, trung tâm văn hóa thể thao và học tập cộng đồng xã, phường, thị trấn, nhà văn hóa huyện, thị xã, thành phố, trung tâm văn hóa thể thao tỉnh, các công trình di tích lịch sử,...

7. Thể thao: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án thuộc lĩnh vực thể dục, thể thao.

8. Du lịch: Đầu tư các dự án hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển du lịch tại các khu, điểm, địa bàn du lịch được quy hoạch.

9. Thông tin: Đầu tư xây dựng và cải tạo các công trình thông tin truyền thông phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình và thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội, công ích thiết yếu

10. Truyền thông: Đầu tư các dự án viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo an toàn thông tin quốc gia.

11. Khoa học và công nghệ: Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm, trạm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, tiêu chuẩn - đo lường - chất lượng, trạm trại thực nghiệm; khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

12. Công nghệ thông tin: Đầu tư xây dựng hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin, bảo mật và an toàn thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước, cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử.

13. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: xây dựng và cải tạo cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục đào tạo và giáo dục nghề nghiệp các cấp học từ mầm non đến cao đẳng.

14. Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm: xây dựng và cải tạo các dự án bệnh viện, cơ sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

15. Xã hội: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ mục tiêu nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công, thương bệnh binh, người già, người tàn tật; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe cán bộ, công chức; cai nghiện và các công trình trợ giúp xã hội khác; cải tạo, nâng cấp các dự án ghi công liệt sĩ.

16. Tài nguyên và môi trường: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án trong lĩnh vực đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước, các công trình quan trắc cảnh báo môi trường, khắc phục ô nhiễm môi trường, ứng phó biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

17. Quản lý nhà nước: xây dựng và cải tạo trụ sở, nơi làm việc của các cơ quan Đảng, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan trực thuộc UBND, UBMTTQ, các Đoàn thể cấp tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn.

18. Quốc phòng, an ninh: xây dựng và cải tạo các công trình, dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn.

19. Thương mại: Đầu tư các dự án chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm logistic, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

II. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối do địa phương quản lý

1. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn

a. Thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công,các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển là cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết và số bổ sung cân đối của ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố được ổn định trong 5 năm của giai đoạn 2016 - 2020.

b. Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phát triển kinh tế-xã hội của các huyện, thị xã, thành phố trọng điểm, có số thu lớn, có tỷ lệ điều tiết cao về ngân sách tỉnh, với việc ưu tiên hỗ trợ các huyện khó khăn để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các huyện, thị xã, thành phố trong tỉnh.

c. Bảo đảm sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

d. Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

2. Các tiêu chí phân bổ vốn

Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, nguồn thu xổ số kiến thiết) cho các huyện, thị xã, thành phố gồm 5 nhóm sau đây:

a. Tiêu chí dân số: số dân trung bình.

b. Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm: tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh.

c. Tiêu chí diện tích, gồm: diện tích đất tự nhiên của các huyện, thị xã, thành phố và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

d. Tiêu chí đơn vị hành chính bao gồm: tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã và tiêu chí huyện biên giới.

đ. Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:

+ Tiêu chí các xã biên giới đất liền (Việt Nam – Campuchia).

3. Xác định số điểm của từng tiêu chí cụ thể

a) Tiêu chí dân số: cách tính cụ thể như sau:

Số dân trung bình	Điểm
Đến 30.000 người	10
Trên 30.000, cứ tăng thêm 10.000 người được thêm	1

Dân số trung bình của các huyện, thị xã, thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2014.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển,bao gồm 3 tiêu chí: tỷ lệ hộ nghèo, thu nội địa (theo chuẩn của tỉnh, không bao gồm khoản thu tiền sử dụng đất và thu tiền thuế xuất nhập khẩu) và tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh.

b.1) Điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo:

Tỷ lệ hộ nghèo	Điểm
Đến 2% hộ nghèo	3,5
Trên 2% hộ nghèo, cứ tăng 1% hộ nghèo được tính thêm	1 điểm

Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn của tỉnh) được xác định căn cứ số liệu công bố của Sở Lao động, Thương binh và Xã hội năm 2014.

b.2) Điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuế xuất nhập khẩu).

Thu nội địa	Điểm
Đến 30 tỷ đồng	3
Trên 30 tỷ đồng đến 60 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	1
Trên 60 tỷ đồng đến 90 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	2
Trên 90 tỷ đồng đến 120 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	3
Trên 120 tỷ đồng, cứ 10 tỷ đồng tăng thêm được tính thêm	4

Số thu nội địa (không bao gồm các khoản thu từ tiền sử dụng đất, thu tiền thuế xuất nhập khẩu) được tính điểm theo dự toán thu ngân sách năm 2015 do Sở Tài chính cung cấp.

b.3) Điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh

Tỷ lệ điều tiết về ngân sách Tỉnh	Điểm
Cứ 5% điều tiết về ngân sách tỉnh	1
Trên 5% đến 20%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách tỉnh được tính thêm	2
Trên 20% đến 50%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách tỉnh được tính thêm	5
Trên 50%, cứ tăng 5% điều tiết về ngân sách tỉnh được tính thêm	16

Tỷ lệ điều tiết để tính toán điểm căn cứ vào tỷ lệ điều tiết của ngân sách huyện, thị xã, thành phố về ngân sách tỉnh trong thời kỳ ổn định 2011 - 2015.

c) Tiêu chí diện tích,bao gồm 2 tiêu chí: diện tích đất tự nhiên và tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên.

(1) Diện tích đất tự nhiên

Diện tích đất tự nhiên	Điểm
Đến 100 km^2	6
Trên 100 km^2 đến 250 km^2, cứ 50 km^2 tăng thêm được tính thêm	2
Trên 250 km^2 đến 400 km^2, cứ 50 km^2 tăng thêm được tính thêm	1
Trên 400 km^2, cứ 50 km^2 tăng thêm được tính thêm	0,5

Diện tích đất tự nhiên để tính điểm căn cứ theo số liệu diện tích đất tự nhiên theo công bố của Cục Thống kê tỉnh năm 2014.

(2) Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên

Tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích đất tự nhiên	Điểm
Các địa phương có tỷ lệ diện tích đất trồng lúa đến 20% không được tính điểm	
Từ trên 20% đến 30%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	0,5
Trên 30% đến 50%, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	1,0
Trên 50% trở lên, cứ 1% diện tích tăng thêm được tính	2,0

Diện tích đất trồng lúa để tính điểm căn cứ trên diện tích đất trồng lúa theo số liệu công bố của Sở Tài Nguyên và Môi trường năm 2014.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính,bao gồm: tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã và huyện biên giới.

(1) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã:

Đơn vị hành chính cấp xã	Điểm
Mỗi xã được tính	1

Số đơn vị hành chính cấp xã để tính toán điểm căn cứ vào số liệu công bố của của Sở Nội vụ và Cục Thống kê tỉnh về số đơn vị hành chính cấp xã năm 2014.

(2) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp huyện biên giới

Đơn vị hành chính cấp huyện biên giới	Điểm
Mỗi huyện được tính	1

Số đơn vị hành chính cấp huyện biên giới để tính toán điểm căn cứ vào số liệu do cơ quan có thẩm quyền công bố đơn vị hành chính cấp huyện biên giới.

đ) Các tiêu chí bổ sung

Địa phương	Điểm
01 xã biên giới đất liền (Việt Nam – Campuchia)	0,3

Số xã biên giới đất liền để tính toán điểm căn cứ vào số liệu công bố của cơ quan có thẩm quyền

4. Xác định mức phân bổ vốn

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố và tổng số điểm của 15 huyện, thị xã, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

- Điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i là: A_i

- Điểm của tiêu chí trình độ phát triển

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo huyện thứ i là n_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm số thu về đất) huyện thứ i là o_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh là p_i.

Điểm của tiêu chí trình độ phát triển tỉnh thứ i sẽ là:

$$B_i = n_i + o_i + p_i$$

- Điểm của tiêu chí diện tích

+ Gọi tổng số điểm tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i.

+ Gọi số điểm diện tích tự nhiên là q_i.

+ Gọi số điểm của tỷ lệ diện tích đất trồng lúa trên tổng diện tích là r_i.

Điểm của tiêu chí diện tích là:

$$C_i = q_i + r_i$$

- Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính là D_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã chung huyện thứ i là s_i.

+ Gọi số điểm của tiêu chí huyện biên giới của huyện thứ i là v_i.

Tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính huyện thứ i sẽ là D_i:

$$D_i = s_i + v_i$$

- Điểm của tiêu chí bổ sung:

+ Gọi số điểm của tiêu chí xã biên giới đất liền là E_i

Gọi tổng số điểm tiêu chí bổ sung của huyện thứ i là Li

$$Li = Ei$$

Gọi tổng số điểm của huyện thứ i là X_i thì:

$$X_i = A_i + B_i + C_i + D_i + L_i$$

- Tổng số điểm của 15 huyện, thị xã, thành phố là Y, ta có:

$$Y = \sum_{i=1}^{15} X_i$$

b) Số vốn phân bổ cho 1 điểm được tính theo công thức:

Gọi: K là tổng số vốn trong cân đối ngân sách địa phương (không bao gồm nguồn đầu tư từ thu chuyển quyền sử dụng đất).

Z là số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư, ta có:

$$Z = \frac{K}{Y}$$

c) Tổng số vốn trong cân đối (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất và thu xổ số kiến thiết) của từng địa phương được tính theo công thức:

Gọi V_i là số vốn trong cân đối (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất và xổ số kiến thiết):

$$V_i = Z \, x \, X_i$$

5. Điều chỉnh bất hợp lý của kế hoạch năm 2016

Sau khi phân bổ theo các tiêu chí và định mức trên, đối với các địa phương có số vốn đầu tư trong cân đối của kế hoạch năm 2016 (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất) thấp hơn kế hoạch năm 2015 (số vốn do tỉnh giao) sẽ được điều chỉnh tăng bằng 10% số vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất) của tỉnh đã giao năm 2015.

6. Vốn đầu tư trong cân đối của các huyện, thị xã, thành phố

a. Vốn đầu tư trong cân đối của các huyện, thị xã, thành phố năm 2016 làm cơ sở để xác định tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh và số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho các huyện, thị xã, thành phố là số vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí, định mức trên đây và toàn bộ các khoản thu sử dụng đất của huyện, thị xã, thành phố theo dự toán thu năm 2016.

b. Vốn đầu tư trong cân đối của các năm tiếp theo trong thời kỳ ổn định ngân sách giai đoạn 2016 - 2020 của huyện, thị xã, thành phố được tính toán căn cứ trên cơ sở số vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí và định mức mới nêu trên, tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách tỉnh và ngân sách huyện, thị xã, thành phố hoặc số hỗ trợ có mục tiêu trong cân đối từ ngân sách tỉnh cho ngân sách huyện, thị xã, thành phố trong thời kỳ ổn định và dự toán số thu tiền sử dụng đất hàng năm của các huyện, thị xã, thành phố.

c. Đối với các huyện, thị xã, thành phố không có điều tiết về ngân sách tỉnh, nguồn thu trong cân đối không tăng hoặc tăng không đáng kể (không đủ bù

đắp cho nhiệm vụ thường xuyên), ngân sách tỉnh bổ sung trong cân đối đảm bảo tăng 10% so với dự toán năm trước được tỉnh giao.

III. Các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.

1. Đầu tư giao thông huyện và nâng cấp đô thị

a. Nguyên tắc và đối tượng đầu tư:

- Các dự án không thuộc tỉnh quản lý.

- Các dự án bố trí vốn phải trong quy hoạch đã được duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư theo Luật Đầu tư công.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp.

b. Mức đầu tư:

Trên cơ sở tổng vốn đầu tư giao thông huyện và nâng cấp đô thị hàng năm trong kế hoạch đầu tư phát triển của tỉnh, áp dụng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu chuyển quyền sử dụng đất), trừ tiêu chí: (1) Tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh; (2) Thu nội địa (không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất); (3) Các tiêu chí bổ sung để tính toán tỷ lệ hỗ trợ.

2. Đầu tư về giáo dục, đào tạo và hướng nghiệp, dạy nghề

2.1. Đầu tư trường đạt chuẩn quốc gia

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Các trường mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở công lập theo lộ trình trường đạt chuẩn quốc gia giai đoạn 2016-2020.

- Đầu tư các phòng học, phòng chức năng, thiết bị (còn thiếu hoặc đã xuống cấp), cổng, hàng rào, sân đường, cấp thoát nước để đạt chuẩn theo quy định.

- Đầu tư đối với các công trình đã có đầy đủ hồ sơ thủ tục.

- Ưu tiên đầu tư các trường ở những vùng khó khăn, vùng sâu của tỉnh.

b. Mức vốn đầu tư:

Đầu tư vốn theo lộ trình đầu tư và theo suất đầu tư được công bố hàng năm.

2.2. Đầu tư các trường, trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề:

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Đầu tư các phòng học, phòng chức năng, thiết bị (còn thiếu hoặc đã xuống cấp), cổng, hàng rào, sân đường, cấp thoát nước.

- Đầu tư đối với các công trình đã có đầy đủ hồ sơ thủ tục.

- Ưu tiên đầu tư các trường ở những vùng khó khăn, vùng sâu của tỉnh.

b. Mức vốn đầu tư:

Đầu tư vốn theo suất đầu tư hàng năm do UBND tỉnh phê duyệt.

2.3. Đầu tư các trường khác

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Đầu tư các phòng học, phòng chức năng còn thiếu hoặc đã xuống cấp cần phải thay thế để đảm bảo an toàn (danh mục ngoài lộ trình đầu tư trường đạt chuẩn).

- Đầu tư các trường mới tách (kể cả ngành học mầm non) do vượt quy mô quản lý cho phép.

- Đầu tư đối với các công trình đã có đầy đủ hồ sơ thủ tục.

- Ưu tiên đầu tư các trường ở những vùng khó khăn, vùng sâu của tỉnh.

b. Mức vốn đầu tư:

Đầu tư vốn theo suất đầu tư hàng năm do UBND tỉnh phê duyệt.

3. Đầu tư trung tâm y tế cấp huyện, trạm y tế cấp xã

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Các trung tâm y tế cấp huyện: đầu tư khối nhà chính, cổng, hàng rào, sân đường, thiết bị.

- Các trạm y tế xã, phường, thị trấn. Chỉ đầu tư số phòng theo 3 Vùng do Sở Y tế công bố

- Các dự án phải trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đầy đủ thủ tục đầu tư.

- Chỉ bố trí vốn đầu tư trang thiết bị cho các cơ sở đã đáp ứng được về cơ sở hạ tầng, nhà cửa và con người, nhưng chưa đủ thiết bị.

b. Mức vốn đầu tư:

- Đối với trung tâm y tế cấp huyện: theo suất đầu tư và theo quy mô phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

- Đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn xây dựng mới: đầu tư tối đa 03 tỷ đồng/trạm trong năm 2016. Trên cơ sở tỷ lệ lạm phát hàng năm, tỉnh sẽ cân đối tăng thêm định mức đầu tư vào các năm sau.

- Đối với trạm y tế xã, phường, thị trấn cải tạo, sửa chữa: đầu tư theo tổng mức đầu tư thực tế nhưng không quá 70% chi phí xây dựng mới.

4. Đầu tư xây dựng các trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Đầu tư nhà làm việc chính, nhà làm việc cơ quan Đảng, nhà ăn, nhà khách, nhà làm việc công an, quân sự, nhà ở cho lực lượng thường trực bảo vệ biên giới (nếu có), thiết bị, hàng rào, cổng, nhà xe, sân đường và thoát nước.

- Ưu tiên đầu tư các huyện, xã, phường, thị trấn mới chia tách; trụ sở Ủy ban nhân dân cấp huyện, xã, phường, thị trấn bị xuống cấp nghiêm trọng, không an toàn khi làm việc.

- Bố trí vốn cho các dự án có trong quy hoạch, theo lộ trình đầu tư và có đủ thủ tục đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án đã hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp.

b. Mức vốn đầu tư:

- Đối với trụ sở cơ quan Đảng, UBND cấp huyện: theo suất đầu tư và theo quy mô phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

- Đối với trụ sở UBND xã, phường, thị trấn: đầu tư theo lộ trình và mức vốn được duyệt. Mức vốn đầu tư được điều chỉnh theo suất đầu tư được ban hành hàng năm.

5. Đầu tư xây dựng các Trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện, xã

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện: đầu tư khối nhà chính, nhà thi đấu đa năng, hàng rào, sân đường.

- Các Trung tâm văn hóa, thể thao xã, phường, thị trấn.

- Các dự án phải trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đầy đủ thủ tục đầu tư.

- Chỉ bố trí vốn đầu tư xây dựng và trang thiết bị cho các cơ sở chưa có trung tâm văn hóa, thể thao.

b. Mức vốn đầu tư:

- Trung tâm văn hóa thể thao cấp huyện: theo suất đầu tư và theo quy mô phù hợp khả năng cân đối ngân sách.

- Mức đầu tư tối đa cho 01 Trung tâm văn hóa, thể thao xã, phường, thị trấn xây dựng mới là 3 tỷ đồng/trung tâm trong năm 2016. Mức vốn đầu tư được điều chỉnh theo suất đầu tư được ban hành hàng năm.

6. Đầu tư các huyện, xã mới chia tách

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Các huyện, xã nằm trong danh mục được chia tách phải có Nghị định của Chính phủ.

- Các dự án bố trí vốn phải trong quy hoạch đã được duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư.

- Ưu tiên bố trí vốn cho các dự án hoàn thành nhưng còn thiếu vốn, các dự án chuyển tiếp.

b. Mức vốn đầu tư:

- Đối với cấp huyện áp dụng theo các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất), trừ tiêu chí: (1) Tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh; (2) Thu nội địa (không bao gồm các khoản thu từ sử dụng đất); (3) Các tiêu chí bổ sung.

- Đối với cấp xã căn cứ trên: diện tích, dân số, tỷ lệ hộ nghèo, cơ sở hạ tầng thiết yếu của các xã. Các xã chia tách sau được bố trí mức đầu tư cao hơn các xã đã chia tách trước.

7. Đầu tư các xã để đạt chuẩn nông thôn mới:

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới trong giai đoạn 2016-2020 được tỉnh phê duyệt.

- Các dự án phải trong quy hoạch đã được phê duyệt, có đầy đủ thủ tục đầu tư.

- Chỉ bố trí vốn đầu tư các dự án thuộc tiêu chí chưa đạt.

b. Mức vốn đầu tư:

- Tỉnh đầu tư theo quy định của các văn bản có liên quan về định mức vốn do ngân sách cấp theo từng lĩnh vực.

- Phần còn lại là ngân sách huyện và nhân dân đóng góp.

8. Đầu tư có mục tiêu cho các dự án cấp bách mà ngân sách huyện, thị xã, thành phố không cân đối được hoặc cân đối được nhưng cần thiết phải đầu tư để thúc đẩy phát triển

a. Nguyên tắc, đối tượng đầu tư:

- Các công trình, dự án do huyện, thị xã, thành phố quản lý được lãnh đạo tỉnh yêu cầu bố trí vốn đầu tư hàng năm.

- Dự án có trong quy hoạch được phê duyệt và có đầy đủ thủ tục đầu tư.

b. Mức vốn đầu tư:

- Không quá 50% tổng mức đầu tư một dự án đối với các huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ điều tiết về ngân sách tỉnh.

- Không quá 70% tổng mức đầu tư một dự án đối với các huyện, thị xã, thành phố nhận hỗ trợ có mục tiêu trong cân đối của ngân sách tỉnh.

- Ngoài ra, đối với công trình bức xúc cần sự đầu tư của tỉnh để thúc đẩy phát triển thì UBND tỉnh xem xét tỷ lệ hỗ trợ cụ thể.

9. Đầu tư các chương trình, dự án khác

Trong giai đoạn 2016-2020 nếu phát sinh nhu cầu đầu tư cần sử dụng vốn hỗ trợ của ngân sách tỉnh sẽ do Ủy ban Nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở cân đối được ngân sách và được sự đồng ý của Thường trực Hội đồng Nhân dân tỉnh trước khi thực hiện./.